Ngày soạn: 22/02/2025

Ngày giảng: 26-27/02/2025

**BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

Thời lượng: 15 tiết (từ tiết 96 đến tiết 110)

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Năng lực**

**Đọc:**

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng).Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành phần biệt lập trong câu.

**Viết:**

- Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

**Nói- nghe:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục (có thể sử dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả trình bày).

**-** Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

- Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**\* HS KG:**

- Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện) sáng tạo, có phong cách viết đặc trưng riêng.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mạch lạc trôi chảy; bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe bằng những lý lẽ sắc bén.

**\* HS học hòa nhập:**

- Viết bài theo hướng dẫn của giáo viên. Thực hiện thảo luận nhóm cùng các bạn. Trả lời các câu hỏi theo định hướng của GV

**2. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác.

VB1: Tích hợp GDĐ ĐLS: Có những liên hệ về cách ứng xử trong những vấn đề của xã hội hiện đại;

VB3 Tích hợp GDĐ ĐLS: nhìn nhận đánh giá vấn đề trong cuộc một cách công bằng, khách quan, nhân ái.

**II. Phương pháp, kĩ thuật dạy học**

**1. Phương pháp**

- Đặt vấn đề, thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi

**-** Đọc sáng tạo, gợi tìm, tái tạo, làm việc nhóm,…

- Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, thuyết trình…

- Dạy học theo mẫu, thực hành viết theo tiến trình, gợi tìm.

**2. Kĩ thuật:** Kĩ thuật chia nhóm,động não, trình bày 1 phút

**III. Phương tiện, thiết bị dạy học**

- Thiết bị: Máy tính, ti vi (máy chiếu, loa)…

- **https://www.youtube.com/watch?v=H3bzWZI4EJA**

- Học liệu: Video, hình ảnh… phiếu học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Kiểm tra đầu giờ:** Không thực hiện

**2. Bài mới**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**\*Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**\*Tổ chức thực hiện:**

**- HĐ chung cả lớp:**

***H: Qua phần chuẩn bị bài ở nhà, em hãy cho biết bài 8 có chủ đề là gì? Trong bài học này, phần văn bản đọc, chúng ta được tìm hiểu những văn bản thuộc thể loại nào?***

- HS chia sẻ, bổ sung.

- GV nhận xét và giới thiệu bài học (SGK-T59)

Ngày dạy: 8A: 27/02/2025

**Tiết 96-97-98 Văn bản 1:**

**NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG LÀNG CẢNH VIỆT NAM**

**(Trích)**

*– Xuân Diệu –*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.

- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của Xuân Diệu.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

- Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng).Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.

**\* HSKG:**

- Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện) sáng tạo, có phong cách viết đặc trưng riêng.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mạch lạc trôi chảy; bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe bằng những lý lẽ sắc bén.

**\* HS học hòa nhập:**

- Viết bài theo hướng dẫn của giáo viên. Thực hiện thảo luận nhóm cùng các bạn. Trả lời các câu hỏi theo định hướng của GV

**2. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác.

- Tich hợp: Tích hợp GDĐ ĐLS: Có những liên hệ về cách ứng xử trong những vấn đề của xã hội hiện đại;

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. GV:** SGK, SGV, phiếu học tập, bài giảng PowerPoint

**2. HS:** SGK, tìm hiểu nội dung bài theo định hướng của GV. Có thể tham khảo bài học trên đường link: https://vuihoc.vn/ngu-van-lop-9/khoa-hoc-hoc-tot-ngu-van-9-22/video-1000

- **https://www.youtube.com/watch?v=H3bzWZI4EJA**

**III. Phương pháp, KTDH**

- Phương pháp: Đàm thoại gợi mở, giải quyết vấn đề, lớp học đảo ngược,…

- KTDH: KT chia nhóm, KT trình bày 1 phút, KT công đoạn,…

**IV. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức 1p**

**2. Kiểm tra đầu giờ:** Kiểm tra sự chuẩn bị bài của HS.

**3. Tổ chức các hoạt động học.**

**Hoạt động 1. Mở đầu/Nêu vấn đề/5p**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**\*Tổ chức thực hiện**

**Gv chiếu bảng KWL đã chuẩn bị ở nhà**

**HS hoàn thiện và báo cáo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K** | **W** | **L** |
| -Kể tên những tác phẩm viết về mùa thu mà em biết?  - Hãy đọc một đoạn trong văn bản ấy? | -Cảm nhận của về vẻ đẹp của mùa thu được phác họa trong văn bản mà em yêu thích nhất. Tác giả ấy viết về mùa thu có gì khác mọi người? | -Văn bản mà hôm nay em tìm hiểu có gì giống và khác văn bản em đã luyện viết ở bài 6?  - Điều em mong muốn được biết qua tiết học này? |

- HS chia sẻ, bổ sung:

GV dẫn vào bài: Mùa thu là mùa đẹp. Viết về mùa thu, văn chương xưa và nay có bao tác phẩm đặc sắc. Mỗi người cầm bút lại đem đến một phong cách riêng độc đáo. Trong đó phải kể đến ba bài thơ thu “nức danh” của Nguyễn Khuyến – thi sĩ được mệnh danh là “nhà thơ của mùa thu thôn quê Việt Nam”. Và Xuân Diệu đã từng viết bài bình đặc sắc về chùm ba bài thơ thu ấy. Tìm hiểu văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” để thấy vẻ đẹp của chùm ba bài thơ thu dưới góc độ của một nhà phê bình văn học. Từ đó học tập cách viết bài nghị luận văn học về tác phẩm thơ.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **\*HĐ 2: Hình thành kiến thức**  **a. Mục tiêu:** Nhận thức về văn bản nghị luận. Luận đề, luận điểm. lí lẽ và bằng chứng  - Nhận thức về tác giả, tác phẩm. chủ đề. Cách mở đầu và kết thúc vb  - Phân tích được vể đẹp của 3 bài thơ thu. ND-NT tiêu biểu  **b. Cách tiến hành**  **GV giao nhiệm vụ cho hs học hòa nhập: Nhận tức về TG.TP; viết bài theo các bạn. hoạt động nhóm cùng các bạn**  **\* Hoạt động Khám phá *Tri thức ngữ văn***  - GV yêu cầu HS đọc phần *tri thức ngữ văn.*  **- GV nêu câu hỏi và y/c HS y/c HSHĐ chung cả lớp**  ***1. Thế nào là văn bản nghị luận văn học?***  ***2. Thế nào là luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học?***  ***3. Quá trình tiếp cận một văn bản văn học của người đọc diễn ra như thế nào?***  - HS hoạt động, chia sẻ.  - GV nhận xét và kết luận: (SGK-T60)  ***H: Theo em, VB này phải đọc với giọng như thế nào ?***  - HS nêu cách đọc, chia sẻ.  - GV hướng dẫn đọc:  + Đọc to, rõ ràng, khúc triết  + Nhấn mạnh các từ ngữ, câu mang luận điểm.  + Bám sát các nội dung phần:” Chú ý, theo dõi trong các thẻ chỉ dẫn” để thấy được những điểm quan trọng, thể hiện quan điểm, đánh giá của tác giả.  *(Ví dụ, thẻ chú ý ở trang 61: Tác giả Xuân Diệu đánh giá cao ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến ở chỗ, các bài thơ này viết vể cảnh sắc mùa thu Việt Nam, vừa nên thơ, vừa chân thực, chứ không phải mùa thu trong sách vở, được thể hiện qua hệ thống thi liệu ước lệ, tượng trưng như các tác giả khác.*  *Thẻ theo dõi ở trang 63 cần bám sát cách nêu lí lẽ, bằng chứng của tác giả để chứng minh cho ý kiến.)*  - HS đọc, nhận xét, uốn nắn  GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh (HS) thực hiện nhiệm vụ.  **GV cho hs trình bày dự án**  H: ***Trình bày những nét chính về tác giả Xuân Diệu?***  - HS hoạt động, trình bày, chia sẻ.  - GV nhận xét và kết luận:  Chiếu Nội dung  - Xuân Diệu (1916 - 1985)  - **HSHĐ dự án báo cáo và điều hành chia sẻ nội dung về tác phẩm theo PHT:**    - HS hoạt động, 1 CĐ báo cáo và điều hành chia sẻ.  - GV nhận xét và chốt/MC:  Gv cung cấp kiến thức  Luận đề được thể hiện rõ nét ở nhan đề của văn bản, nội dung của bài viết đi sâu vào khám phá đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của ba bài thơ viết về mùa thu của Nguyễn Khuyến.  GV chiếu ND *Bố cục- Hs quan sát*  + Phần 1: đoạn văn 1 – giới thiệu về 3 bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.  + Phần 2: Giới thiệu bài “Thu điếu”.  + Phần 3: Phân tích, bình vẻ đẹp bài “Thu ẩm”.  + Phần 4: Phân tích, bình vẻ đẹp bài “Thu vịnh”.  + Phần 5: Phân tích, bình vẻ đẹp bài “Thu điếu”.  + Phần 6: Đánh giá khái quát lại  GV chia nhóm lớp, nêu yêu cầu HS HĐ cá nhân trả lời câu hỏi sau:  **H*: Văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” bàn luận về vấn đề gì? Những yếu tố nào giúp em nhận ra điều đó?***  ***H: Nhận xét về cách giới thiệu vấn đề?***  GV định hướng khái niệm luận để và vị trí thông thường của luận để (Tri thức Ngữ văn)  Đại diện nhóm báo cáo, chia sẻ  Gv khái quát kiến thức, chốt ND  -Văn bản Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam bàn luận về Nguyễn Khuyến và ba bài thơ thu của ông bao gồm Thu điếu, Thu ẩm và Thu vịnh.  -Những yếu tố giúp em nhận ra điều đó:  + Nhan đề văn bản  + Những từ ngữ giới thiệu vấn đề ( Tác giả Nguyễn Khuyến, ba bài thơ nức danh viết về mùa thu…)  + Các luận điểm, luận cứ và dẫn chứng xuất hiện trong bài  -Giới thiệu vấn đề rõ ràng, ngắn gọn, hàm súc. Câu từ dùng chọn lọc, sáng tạo.  GV: Vấn đề: Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến rất hay làm nổi bật vẻ đẹp của mùa thu miền Bắc Việt Nam -> Vấn đề trao đổi thể hiện quan điểm đánh giá dưới góc nhìn riêng của một người nghệ sỹ, nhà phê bình văn học. Xuân Diệu đánh giá rất cao ba bài thơ thu, đánh giá cao tài năng của Nguyễn Khuyến.  -> Vấn đề được đề cập chính là luận đề của bài viết.  ***HĐ nhóm (2/4)***  ***H: Tác giả bài nghị luận đã chỉ ra đặc điểm chung nào ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến?***  ***H: Nhận xét về cách lập luận của tác giả?***  Đại diện nhóm báo cáo, chia sẻ  GV khái quát   * *Ba bài thơ “hay và điển hĩnh nhất cho mùa thu của Việt Nam, ở miền Bắc nước ta”, “không theo ước ỉệ như ở trong văn chương sách vở”.*   *+ Ở* bài *Thu ẩm,* tác giả chỉ ra mùa thu hiện lên trong vẻ đẹp bình dân, hiện thực - *“nhà cỏ thấp ỉe te”.* Các câu 2,3,4, 5 được tác giả nhận xét là *“rất hay”, “hay trong cái thực của nông thốn đồng bằng Bắc Bộ”.*  *+Ở* bài *Thu vịnh,* tác giả phân tích: Nguyễn Khuyến đã gợi lên được cái *thần* của mùa thu với trời xanh, cây tre Việt Nam, cái bâng khuâng vể không gian, sự man mác của thời gian và những trăn trở của ông vể vòng danh lợi, lẽ xuất xử hành tàng.  + Ở bài *Thu điếu,* tác giả khẳng định *“điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ)*  GV phát phiếu học tập  HSHĐ nhóm lớn (8/12) câu hỏi (3- 65)  ***H: Tuy có điểm gặp gỡ, nhưng mỗi bài thơ thu vẫn có vẻ đẹp riêng. Em hãy tìm các luận điểm thể hiện sự khác biệt ấy và nêu các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu mà tác giả sử dụng để làm sáng tỏ luận điểm?***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Thu ẩm* | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng | **Lí lẽ** | | Bằng chúng |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Thu vịnh* | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng | **Lí lẽ** | | Bằng chứng | | *Thu điếu* | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng | **Lí lẽ** | | Bằng chứng |   Sau khi HS trình bày theo phiếu học tập, GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn để. Gv chiếu nội dung   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Thu ẩm* | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp của mùa thu ở nhiều thời điểm, sự khái quát về cảnh thu. | **Lí lẽ**:   * Nếu chỉ nói cảnh một đêm thu có trăng, thì bài thơ tù túng và thiếu lô-gíc. * *Ngõ tối đêm sâu* mâu thuẫn với *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.* * *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt* thì không hợp, không điển hình với một đềm có trăng. * Khói bếp nhà ai đã nẩu cơm chiểu. * *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt* là trời của một buổi chiều. | | **Bằng chứng**: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài *Thu ẩm* và hai câu thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến (SHS, trang 62). | | *Thu vịnh* ♦ | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ mang cái hồn, cái thẩn của cảnh vật mùa thu hơn cả: vẻ thanh - trong - nhẹ - cao. | **Các lí lẽ** của tác giả về cái thần, cái hồn của mùa thu đểu hướng đến làm sáng tỏ cho ý kiến vể vẻ thanh - trong - nhẹ - cao. Cụ thể: - Cái hổn, cái thần của cảnh thu là nằm ở bầu trời.  + Trời thu rất cao toả xuống cả cảnh vật (miêu tả trực tiếp bầu trời).  + Cây tre như cẩn câu in lên trời biếc, gió đẩy đưa khe khẽ mang vẻ đẹp thanh đạm.  *+ Song thưa để mặc bóng trăng vào* thuộc vẽ trời cao.  *+ Một tiếng trên khống ngỗng nước nào* cũng nói về trời cao.   * *Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái* gợi cái bâng khuâng man mác vẽ thời gian. * *Nước biếc trông như tầng khói phủ* bay bổng nhẹ nhàng, mơ hồ hư thực. | | **Bằng chứng**: các cầu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài *Thu vịnh.* |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Thu điếu* | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ). | Theo phần tích của tác giả, người đọc nhận ra cảnh ở hai bài thơ *Thu ẩm* và *Thu vịnh* còn mang tính khái quát, nhưng đến bài *Thu điếu,* cảnh đã mang tính điển hình cho đồng bằng xứ Bắc, có những hình ảnh đặc trưng của mùa thu đổng bằng Bắc Bộ.  -Tác giả sử dụng các **lí lẽ** sau để làm sáng tỏ:   * Bình Lục là vùng đất nhiều ao. * Ao nhỏ, thuyên theo đó cũng bé tẻo teo, sóng biếc rất nhẹ, lá vàng rụng theo gió. * Không gian “nhìn lên: trời thu xanh cao đám mây đọng lơ lửng; trông quanh: lối đi trong làng hai bền tre biếc mọc sầm uất,.. .” - Nhấn mạnh cái thú vị của *Thu điếu* là ở “các điệu xanh”, ở “những cử động”, “ở các vần thơ” | | **Bằng chứng**: các hình ảnh, cầu thơ được dẫn ra từ bài *Thu điếu.* |   ***H: Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà Xuân Diệu sử dụng có vai trò như thế nào trong việc thể hiện luận đề?***  HSTL  ***H: Tác giả đã sử dụng những cách nêu bằng chứng nào? Em có nhận xét gì về cách phân tích bằng chứng của tác giả?***  HĐ cá nhân  Chia sẻ  Cách phân tích bằng chứng dựa trên hiểu biết về mùa thu và cách lý giải logic giúp cho người đọc hiểu sâu hơn về ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến. Vừa thấy được điểm chung của chùm thơ thu, vừa ấn tượng với nét đặc sắc của từng tác phẩm.  ***GV chỉ rõ cách nêu và phân tích bằng chứng của tác giả XD trong bài nghị luận***  + Phân tích cụ thể, chi tiết; chú trọng cắt nghĩa, lí giải. VD *Không còn những ước lệ văn hoa* đến *vừa tầm lưng giậu*. Trong đoạn này, tác giả chứng minh *Thu ẩm* là bài thơ được viết trong nhiều thời điểm, là sự khái quát vể cảnh thu. Mỗi bằng chứng đưa ra đểu làm sáng tỏ luận điểm này. Với mỗi bằng chứng, tác giả đểu phân tích cụ thể, chi tiết, giải thích rõ ràng.  + Phân tích bám sát ngôn ngữ VB. Mọi diễn giải, suy luận, giảng bình đểu dựa trên cơ sở VB chứ không rơi vào bình tán. Điển hình là những đoạn phân tích vẻ đẹp ngôn ngữ cùa ba bài thơ thu.  + Phân tích gắn với tưởng tượng, liên tưởng: Trong VB nghị luận này, bằng sự liên tưởng, tưởng tượng tinh tế của một nhà thơ, không ít lần Xuân Diệu đã phân tích cho người đọc hiểu được vẻ đẹp của hình ảnh thơ.  + Phân tích gắn với so sánh, liên hệ: Trong VB, khi phân tích bằng chứng, tác giả đã liên hệ đến những câu thơ khác để tăng tính thuyết phục cho lí lẽ của mình.  Tác giả cũng liên hệ câu thơ *'‘Trời muốn trượng thẳm làu làu sạch” từ* thời Lê Hồng Đức khi phân tích bằng chứng về sự trong sáng, nhẹ nhõm, tự nhiên cùa ngôn ngữ thơ Nguyễn Khuyến.  **->** Qua phần văn bản này, tác giả đã cho thấy phần viết sâu sắc, trí tuệ của mình. Sự am hiểu, thấu cảm vẻ đẹp nghệ thuật, nội dung tư tưởng của bài thơ thể hiện sự tài hoa của một nhà phê bình văn học lớn.  ***H: Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? Tác dụng?***  HĐ chung cả lớp  Gv chốt kiến thức  GV: Tác giả Xuân Diệu không những am hiểu sâu sắc vẻ đẹp nghệ thuật trong ba bài thơ thu mà còn là sự tì tình trong sắp xếp dẫn dắt vấn đề, tổ chức luận điểm…mà lời văn có sụ' xen kẽ của yếu tố biểu cảm, khiến VB giàu cảm xúc, không khô khan.  HS hoạt động nhóm (4/4)  *H: Phần kết, Xuân Diệu đưa ra quan điểm đánh giá qua những câu từ nào?*  *H: Xuân Diệu cho rằng: Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là thành công tốt đẹp của quá trình “dân tộc hóa nội dung mùa thu” và “dân tộc hóa hình thức lời thơ”. Em suy nghĩ như thế nào về nhận định trên?*  *H: Cách kết thúc vấn đề có**gì đặc sắc, tác dụng?*  HS báo cáo, chia sẻ  GV khái quát  -Thời trung đại, văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá, văn học Trung Hoa. Viết vể để tài mùa thu, không ít nhà thơ sử dụng thi liệu, hình ảnh ước lệ, tượng trưng, khiến mùa thu trong thơ hiện lên không giống với quê hương làng cảnh Việt Nam mà lại mang đặc trưng của mùa thu phương Bắc. Những vần thơ thu mang dấu ấn dần tộc vẫn là một khoảng trống trên thi đàn, và Nguyễn Khuyến đã góp phần lấp đẩy khoảng trống này  - Nói chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến thành công trong việc *“dân tộc hoá nội dung mùa thu’* và *“dân tộc hoá hình thức lời thơ” có* nghĩa là về phương diện nội dung, chùm thơ thu đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương làng cảnh Việt Nam, vẻ đẹp của đồng bằng Bắc Bộ trên đất nước ta, chứ không phải ở một quốc gia nào khác. Phong cảnh mùa thu hiện lên thật chân thực như “năm gian nhà cỏ”, “ngõ tối đêm sâu”, ở “các điệu xanh” chứ không phải sắc vàng, sắc đỏ như mùa thu trong thơ Đường, thơ Tống của Trung Quốc. “*Dân tộc hoá hình thức lời thơ*” có nghĩa là tác giả đã sử dụng “hình thức lời thơ, câu thơ cho thật là Nôm, là Việt Nam”, nhiều hình ảnh giản dị, gần gũi, dễ hiểu. Đây là thành công lớn, sự đóng góp lớn lao của Nguyễn Khuyến.  -> Xuân Diệu đã đánh giá rất cao những đóng góp của Nguyễn Khuyến.  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu **HS hoạt động cá nhân (1p)** thực hiện nhiệm vụ:  ***H: Em có nhận xét gì về nghệ thuật nghị luận của văn bản (cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề, tổ chức luận điểm, ngôn ngữ, giọng văn nghị luận,…)?***  - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.  - HS trình bày các nội dung tổng kết, bổ sung.  **-** GV nhận xét, đánh giá, biểu dương và chốt kiến thức:  GV phân tích khái quát  - Ngay trong phần mở đầu, Xuân Diệu đã đi thẳng vào vấn đề bàn luận là nhà thơ Nguyễn Khuyến cùng với ba bài thơ thu kinh điển.  - Tiếp đến, tác giả lần lượt đưa ra các luận điểm chính và lý lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ quan điểm, ý kiến đã nêu.  - Ngôn ngữ nghị luận giản dị, gần gũi. Cách phân tích ngọn ngành và mạch lạc, có sự so sánh với một số tác phẩm khác giúp người đọc nhanh chóng nắm bắt được vấn đề nghị luận.  - Giọng văn nhẹ nhàng, dẫn dắt người đọc tìm hiểu lần lượt ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến, đi đến sự đồng tình với quan điểm được nêu.  Phương pháp giải:  ***H: Khái quát nội dung chính của văn bản?***  ***H: Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản?***  HĐ cá nhân (1 p), chia sẻ  Gv khái quát  **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Tổ chức thực hiện:**  - HS xác định yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn:  + Nội dung: cảm nhận về một hình ảnh đặc sắc trong một bài thơ thu của Nguyễn Khuyến  + Hình thức: đoạn văn 7-9 câu.  - HS viết bài, chia sẻ và về nhà hoàn thiện tiếp. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**     * **Xuân Diệu (1916-1985)**   - Tên đầy đủ: Ngô Xuân Diệu  - Quê: Hà Tĩnh  - Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ ông nồng nàn, sôi nổi, thể hiện tấm lòng yêu đời, ham sống thiết tha. Hoài Thanh từng nhận xét “thiết tha, rạo rực, sôi nổi, băn khoăn như Xuân Diệu”. Bên cạnh thơ ca, ông còn viết nhiều tiểu luận phê bình văn học  **2. Tác phẩm**  -Xuất xứ: Trích trong tập “Các nhà thơ cổ điển Việt Nam”, tập 2, xuất bản năm 1982.  - Thể loại: văn xuôi – bài phê bình văn học  - Phương thức biểu đạt: nghị luận  - Luận đề: Vẻ đẹp của mùa thu thôn quê Việt Nam qua ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.  **III. Tìm hiểu văn bản**  **1.Giới thiệu vấn đề**  - Giới thiệu vấn đề rõ ràng, ngắn gọn, hàm súc, câu từ dùng chọn lọc, sáng tạo tác giả Xuân Diệu giới thiệu khái quát về *vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến*.  **2. Cách triển khai làm sáng tỏ vấn đề**  **a. Đặc điểm chung của ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến**  **-**Với các bằng chứng xác thực và lí lẽ xác đáng, cách so sánh với các bài thơ viết về mùa thu khác tác giả đã chỉ ra điểm chung của cả ba bài thơ của tác giả Nguyễn Khuyến đều rất hay với những hình ảnh đặc trưng của mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ.  **b. Những vẻ đẹp riêng của 3 bài thơ thu**  - Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà Xuân Diệu sử dụng góp phần làm sáng tỏ luận đề: Vẻ đẹp riêng của ba bài thơ thu  - Cách tổ chức luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. Cách phân tích bằng chứng trong VB rất sắc bén, giọng văn linh hoạt. Tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp của ba bài thơ thu, vẻ đẹp của bức tranh làng cảnh Việt Nam lúc mùa thu, đẹp bình dị, rất đặc trưng của mùa thu Bắc Bộ. Qua đó, Xuân Diệu cũng cho ta thấy được sự mẫn cảm của tâm hồn NK, tình yêu mùa thu, yêu quê hương đất nước của hồn thơ NK.  **3. Cách kết thúc vấn đề**  - Cách viết ngắn gọn, khái quát, hàm súc, đánh giá chính xác, nổi bật được vấn đề, tác giả Xuân Diệu đã đánh giá rất cao những đóng góp của Nguyễn Khuyến với thơ ca của dân tộc Việt Nam.  **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**  - Cách mở đầu, dẫn dắt vấn để tự nhiên, hợp lí.  - Cách tổ chúc luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, chọn lọc từ ngữ tinh tế.  - Lời văn có sự xen kẽ của yếu tố biểu cảm, khiến VB giàu cảm xúc, không khô khan.  - Giọng văn linh hoạt  **2. Nội dung**  Bài viết của Xuân Diệu đánh giá cao ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến - các bài thơ này viết về cảnh sắc mùa thu Việt Nam, vừa nên thơ, vừa chân thực, làm nổi bật vẻ đẹp của mùa thu thôn quê Việt Nam.  **3. Ý nghĩa**  - Văn bản thể hiện góc nhìn riêng độc đáo của một nhà phê bình văn học tài năng.  - Nhắc nhở mỗi người về giá trị lớn lao của văn chương, và cần biết trân trọng nền văn học dân tộc.  - Học hỏi kĩ năng viết bài văn nghị luận VH.  **\*Viết kết nối với đọc** |

**4. Củng cố: Hướng dẫn học tập**

*H: Vai trò của lý lẽ, bằng chứng trong bài nghị luận văn học?*

*H: Em thấy mối quan hệ giữa nhà văn và trang viết trong văn bản này như thế nào? Từ đó gợi cho em bài học gì?*

**Dự kiến đáp án**

1.Lý lẽ: Lí lẽ trong VB nghị luận văn học là nhũng điểu được nêu ra một cách có căn cứ, hợp lô-gíc để làm rõ tính đúng đắn của luận điểm. Lí lẽ chỉ có sức thuyết phục khi nó căn cứ trên cơ sở tri thức văn học chuẩn xác. Đến lượt mình, lí lẽ được chứng minh bởi các bằng chứng.

- Bằng chứng: là các dẫn chứng được đưa ra làm sáng tỏ, tăng sức thuyết phục cho bài viết.

Lí lẽ và bằng chứng là cơ sở cho luận điểm, không có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục thì luận điểm không thể đứng vững.

2. Trang viết mang dấu ấn riêng của người cầm bút. Những cảm nhận, suy nghĩ, đánh giá sâu sắc, tinh tế, mang những phát hiện riêng thể hiện một Xuân Diệu tài hoa, mẫn cảm.

- Người cảm nhận, phân tích, bình một tác phẩm văn học phải có những cảm nhận riêng, phát hiện mới mẻ, thể hiện một góc nhìn mới, đem đến cho người đọc, người nghe những sự trông nhìn, thưởng thức mới mẻ. Tránh sự sao chép, nhàm chán từ người khác.

**\*Hướng dẫn học tập:**

**- Bài cũ:**

+ Hoàn thiện viết đoạn văn.

+ Học phần tổng kết để nắm chắc những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.

**- Bài mới:** Chuẩn bị phần Thực hành tiếng Việt ( Trang-66).

+ Đọc và tìm hiểu nội dung khung chữ màu vàng

+ Làm các bài tập ( 66)